

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao Kế hoạch vốn chi tiết cho các hạng mục lâm sinh thuộc
Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2016**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015; sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BKHĐT-BNNPTNT-BTC ngày 05/6/2012 của liên Bộ: Kế hoạch và Đầu tư - Nông nghiệp và PTNT - Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 01/02/2013 của liên Bộ: Nông nghiệp và PTNT - Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 11/5/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt mức hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; sửa đổi tại Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 15/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao kế hoạch chi tiết cho các dự án từ nguồn vốn các chương trình mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ và vốn nước ngoài năm 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 293/SNN&PTNT-KHTC ngày 02/02/2016 và của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 500/SKHĐT-KTNN ngày 22/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Kế hoạch vốn chi tiết cho các hạng mục lâm sinh thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2016, như sau:

- Tổng nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2016 là 30.000 triệu đồng.

- Số vốn đã giao kế hoạch chi tiết: 14.000 triệu đồng.

- Số vốn chưa giao kế hoạch chi tiết: 16.000 triệu đồng.

- Giao kế hoạch chi tiết đợt này: 16.000 triệu đồng, trong đó:

+ Bổ sung vốn trồng rừng sản xuất năm 2012 còn thiếu theo quyết toán được duyệt: 187,1 triệu đồng;

+ Vốn chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng (BQLDA huyện Mường Lát, BQLRPH Tỉnh Gia): 84,3 triệu đồng để chăm sóc 72,6 ha rừng.

+ Vốn trồng rừng sản xuất năm 2015: 15.728,5 triệu đồng để trồng 1.921 ha rừng (hỗ trợ 100% định mức theo quy định cho các huyện Như Thanh, Thạch Thành; hỗ trợ 91,5% mức vốn lâm sinh và 100% chi phí khác theo định mức cho các huyện Mường Lát, Quan Hóa, Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân, số vốn còn thiếu sẽ được bổ sung khi có nguồn).

(Chi tiết có phụ lục và phụ biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Căn cứ kế hoạch vốn được giao tại Điều 1 Quyết định này, các chủ dự án tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành kế hoạch, sử dụng vốn hiệu quả, thanh quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định hiện hành.

- Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao hướng dẫn các chủ dự án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

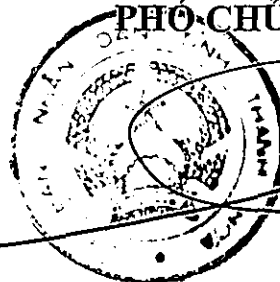
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; các chủ dự án; Thủ trưởng các ngành, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, THKH (02).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục:

KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Số TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2016	Ghi chú
I	Tổng nguồn vốn	30.000,0	
II	Đã giao kế hoạch chi tiết	14.000,0	
III	Số vốn chưa giao kế hoạch chi tiết	16.000,0	
IV	Giao kế hoạch chi tiết đợt này	16.000,0	
1	Bổ sung vốn trồng rừng sản xuất năm 2012 theo quyết toán được duyệt	187,1	Chi tiết có phụ biểu 01 kèm theo.
2	Chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng năm 2016	84,3	Chi tiết có phụ biểu 02 kèm theo.
3	Trồng rừng sản xuất năm 2016	15.728,5	Chi tiết có phụ biểu 03 kèm theo.

Phụ biểu 01

BỔ SUNG VỐN TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2012 THEO QUYẾT TOÁN ĐƯỢC DUYỆT

(Kèm theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2016	Vốn, lâm sinh	Quản lý dự án	Ghi chú
	TỔNG SỐ	187,1	156,5	30,6	
1	Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hu	15,0	15,0		Bổ sung vốn theo Quyết toán được duyệt
2	Hạt Kiểm lâm Quan Sơn	52,2	48,0	4,2	-nt-
3	Hạt Kiểm lâm Lang Chánh	53,9	27,5	26,4	-nt-
4	Hạt Kiểm lâm Ngọc Lặc	25,0	25,0		-nt-
5	Hạt Kiểm lâm Như Thanh	10,0	10,0		-nt-
6	Hạt Kiểm lâm Mường Lát	31,0	31,0		-nt-

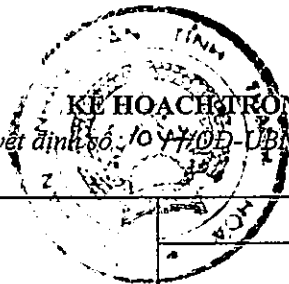
Phụ biểu 02:

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẶC DỤNG NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 1047/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn (triệu đồng)			Khối lượng lâm sinh (ha)	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng	
			Vốn quản lý dự án	Vốn lâm sinh		
	TỔNG SỐ	84,3	6,2	78,1	72,6	
1	Huyện Mường Lát	62,7	4,6	58,1	52,6	
2	BQLRPH Tỉnh Gia	21,6	1,6	20,0	20,0	

Phụ biểu 03:



KẾ HOẠCH TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn (triệu đồng)					Khối lượng (ha)
		Tổng số	Trong đó				
			Vốn lâm sinh	Khảo sát thiết kế	Khuyến lâm	Quản lý dự án	
	TỔNG SỐ	15.728,5	14.207,3	144,1	538,8	838,3	1.921,0
1	Huyện Mường Lát	4.854,9	4.403,4	37,5	150,0	264,0	500,0
-	Hạt Kiểm Lâm Mường Lát	873,9	792,6	6,8	27,0	47,5	90
-	Huyện Mường Lát	971,0	880,7	7,5	30,0	52,8	100
-	BQLRPH Mường Lát	776,8	704,6	6,0	24,0	42,2	80
-	Đồn Biên Phòng Quang Chiêu	194,2	176,1	1,5	6,0	10,6	20
-	Đoàn Kinh tế Quốc Phòng 5	776,8	704,6	6,0	24,0	42,2	80
-	Đồn Biên Phòng Trung Lý	194,2	176,1	1,5	6,0	10,6	20
-	Đồn Biên Phòng Tam Chung	194,2	176,1	1,5	6,0	10,6	20
-	Đồn Biên Phòng Pù Nhi	194,2	176,1	1,5	6,0	10,6	20
-	Khu BTTN Pù Hu	679,7	616,5	5,3	21,0	37,0	70
2	Huyện Quan Hóa	866,3	789,2	7,5	30,0	39,6	100,0
-	Hạt Kiểm Lâm Quan Hóa	866,3	789,2	7,5	30,0	39,6	100
3	Huyện Bá Thước	866,3	789,2	7,5	30,0	39,6	100
-	Hạt Kiểm Lâm Bá Thước	866,3	789,2	7,5	30,0	39,6	100
4	Huyện Lang Chánh	3.465,2	3.156,8	30,0	120,0	158,4	400,0
-	Hạt Kiểm Lâm Lang Chánh	3.465,2	3.156,8	30,0	120,0	158,4	400
5	Huyện Thường Xuân	4.946,5	4.506,3	42,8	171,3	226,1	571,0
-	Hạt Kiểm Lâm Thường Xuân	1.741,2	1.586,3	15,1	60,3	79,6	201
-	Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	3.205,3	2.920,0	27,8	111,0	146,5	370
6	Huyện Như Thanh	133,7	112,5	3,8	7,5	9,9	50,0
-	BQLRPH Thanh Kỳ	133,7	112,5	3,8	7,5	9,9	50
7	Huyện Thạch Thành	534,6	450,0	15,0	30,0	39,6	200,0
-	Hạt Kiểm lâm huyện Thạch Thành	534,6	450,0	15,0	30,0	39,6	200
8	Chi cục Lâm nghiệp	31,1				31,1	
9	Chi cục Kiểm lâm	10,0				10,0	
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	10,0				10,0	
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10,0				10,0	